

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2023/QĐST-HNGĐ

Phong Thổ, ngày 21 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp số: 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phan Dâu M, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Bản Sơn Bình, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tấn Chín Hùng - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

2) Anh Tấn Phủ S; Sinh ngày: 25/5/1993;

Địa chỉ: Bản Na Sa Phìn, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt)

3) Chị Phan Thị L; Sinh ngày: 01/11/1994;

Địa chỉ: Bản Na Sa Phìn, xã Huổi Luông, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là ông Phan Dâu M trình bày:

Ông Phan Dâu M là bố đẻ của chị Phan Thị L trình bày: Chị L, sinh ngày 01/11/1994 và anh Tấn Phủ S, sinh ngày 25/5/1993 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu ngày 25/01/2012. Khi đi đăng ký kết hôn, do biết Mh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị L, anh S đã không cung cấp giấy tờ tùy thân và khai không đúng với độ tuổi của Mh, chị L khai sinh ngày 11/01/1993, anh S khai sinh ngày 21/5/1992 để tăng số tuổi của Mh lên. Việc chị L anh S đăng ký kết hôn ngày 25/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho đã vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên ông Phan Dâu M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị L và anh S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 25/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, có ý kiến là do chị L và anh S cung cấp giấy tờ tùy thân không chính xác nên Ủy ban nhân dân (UBND) mới đăng ký cho anh chị theo quy định. Đại diện UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh chị L, anh S đều trình bày: Chị và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2012, tại Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khi đi đăng ký kết hôn, chị L chưa đủ tuổi kết hôn đúng như lời khai của ông Phan Dâu M. Từ khi kết hôn đến nay, chị L và anh S sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên cuộc sống sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chị và anh bất đồng quan điểm sống, chị cảm thấy không còn tình cảm với chồng nữa, nay ông M đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật, quan điểm của chị đồng ý. Anh S cũng cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn hạnh phúc nên cũng đồng ý với việc ông M đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật của vợ chồng anh.

Về nuôi con chung: Chị L và anh S có 02 con chung là cháu Tấn Thị Bình, sinh ngày 22/5/2013; cháu Tấn Hoài Ngọc, sinh ngày 01/01/2015. Chị và anh tự nguyện thỏa thuận như sau:

Chị Phan Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung chưa thành niên là cháu Tấn Thị Bình và cháu Tấn Hoài Ngọc cho

đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho cho thấy chị L có ngày tháng năm sinh chính xác là ngày 01/11/1994, tính đến ngày đăng ký kết hôn là ngày 25/01/2012, chị L mới được 17 tuổi 02 tháng 25 ngày. Anh S sinh ngày 25/5/1993, tính đến ngày đăng ký kết hôn thì anh S mới được 18 tuổi 08 tháng. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho đã căn cứ vào giấy tờ tùy thân để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên đương sự đã cung cấp giấy tờ tùy thân không chính xác ngày, tháng, năm sinh của anh, chị nên dẫn đến sai sót như trên. Hiện nay, tại Ủy ban nhân dân xã chỉ có sổ theo dõi đăng ký kết hôn, ngoài ra, không còn lưu giữ tài liệu gì về việc đăng ký kết hôn của chị L và anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật; người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 9 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 2 Điều 10, 11, 12, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 228, 238, 361, 362, 366, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, điểm b khoản 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông Phàn Dâu M, hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phàn Thị L và anh Tẩn Phủ S. Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của chị L và anh S đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa vợ chồng chị.

Về lệ phí Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Người yêu cầu ông Phàn Dâu M phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên họp, Tòa án nhân huyện Phong Thổ nhận định:

[1] Ông Phàn Dâu M là bố đẻ của chị Phàn Thị L nên ông có quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị L và anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký kết hôn giữa chị Phàn Thị L và anh Tẩn Phủ S được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về việc vắng mặt: Tại phiên họp, người yêu cầu, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu giải quyết việc dân sự của người yêu cầu Tòa án nhận định như sau: Chị Phàn Thị L, sinh ngày 01/11/1994 và anh Tẩn Phủ S, sinh ngày 25/5/1993 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu ngày 25/01/2012. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị L mới được 17 tuổi 02 tháng 25 ngày, anh S mới được 18 tuổi 08 tháng, nên anh, chị chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 là nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên. Vì vậy, việc ông M yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị L và anh S theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 25/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Phàn Thị L và anh Tẩn Phủ S cũng đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật. Vì anh chị cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh chị.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án xét thấy yêu cầu của ông M, chị L và anh S là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị L và anh S có 02 con chung là cháu Tẩn Thị Bình, sinh ngày 22/5/2013; cháu Tẩn Hoài Ngọc, sinh ngày 01/01/2015. Chị và anh tự nguyện thỏa thuận như sau:

Chị Phan Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung chưa thành niên là cháu Tấn Thị Bình và cháu Tấn Hoài Ngọc cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Phan Dâu M thuộc trường hợp phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8; Điểm a khoản 2 Điều 10, 11, 12, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 228, 238, 361, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 2 Điều 4 - Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Phan Dâu M. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phan Thị L và anh Tấn Phủ S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 25/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị L và anh Tấn Phủ S. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Phan Thị L và anh Tấn Phủ S.

3. Về con chung: Giao cháu Tấn Thị Bình, sinh ngày 22/5/2013 và cháu Tấn Hoài Ngọc, sinh ngày 01/01/2015 cho chị Phan Thị L nuôi dưỡng chăm sóc các cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.”

4. Về tài sản và công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về lệ phí Tòa án: Ông Phan Dâu M phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông M đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số: AA/2021/0001298 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí. Xác nhận ông M đã nộp đủ số tiền lệ phí. Chị Phan Thị L và anh Tần Phủ S không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Người yêu cầu;
- Người có QL,NVLQ;
- Chi cục THADS h. Phong Thổ
- UBND xã Ma Li Pho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Phương